



**MINISTRY OF SCIENCE AND
TECHNOLOGY**



**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
HỘI NHẬP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ
CENTER FOR VIETNAM
SCIENCE & TECHNOLOGY INTERNATIONALIZATION
PROMOTION**

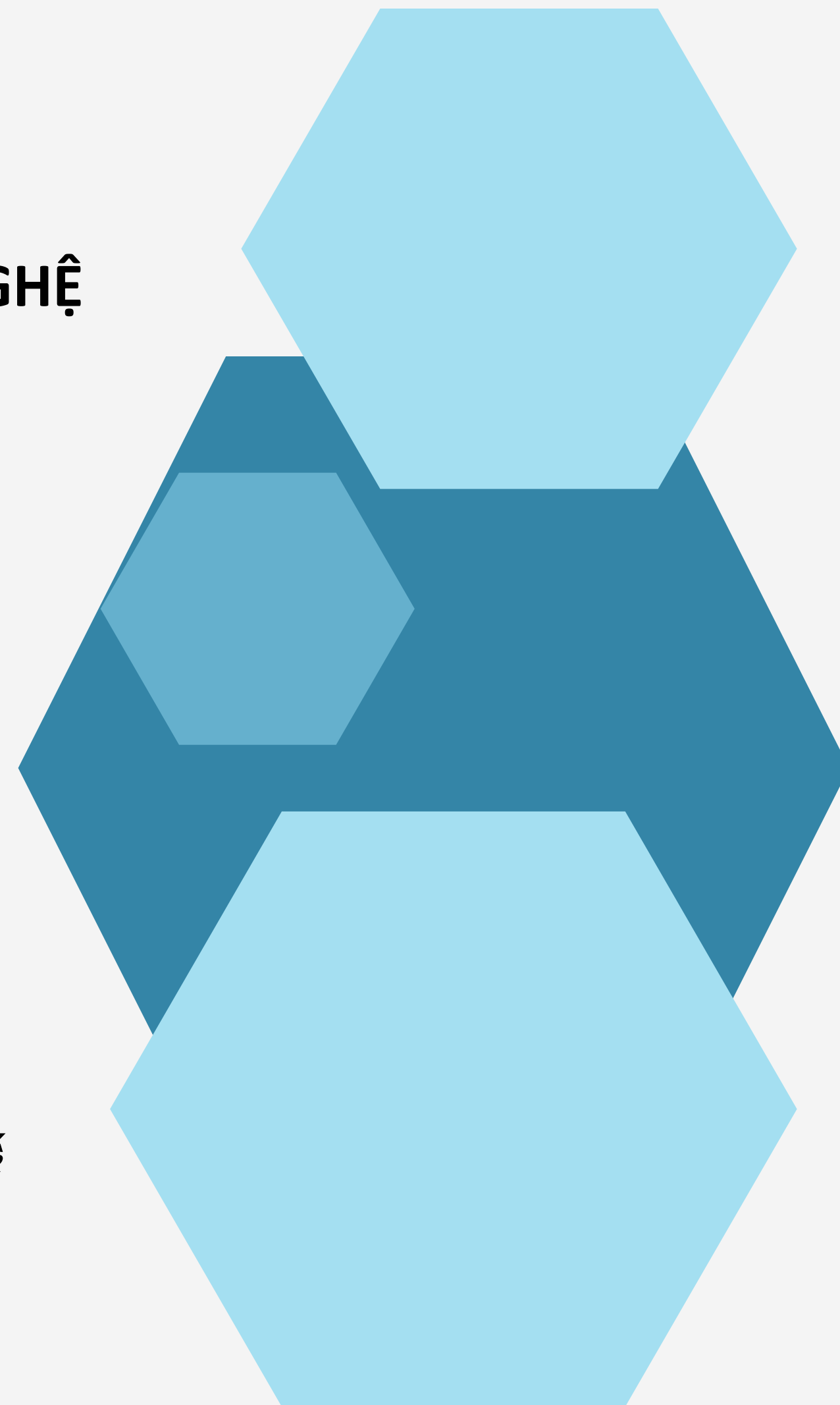
HỌC VIỆN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
LỚP BỒI DƯỠNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH CÔNG NGHỆ

Chuyên đề 5

HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



*ThS Bùi Thị Huy Hợp – Phó Giám đốc Phụ trách
TT. NC & PT Hội nhập KH&CN Quốc tế*



NỘI DUNG

A. Lý thuyết

- MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
- THỰC TIỄN CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
- CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

B. Thảo luận, Q & A

I. Một số vấn đề lý luận chung của Hội nhập quốc tế về KH&CN



1.Toàn cầu hóa

- Thế kỷ 15: những cuộc thám hiểm vòng quanh TG + trao đổi hàng hóa, giống cây trồng: quy mô lớn & thường xuyên.
- Thế kỷ 19. Bản vị vàng, công nghiệp hóa → chuyên môn hóa của các nước trong xuất khẩu, → áp lực đòi chấm dứt hàng rào thuế quan và các rào cản khác.
- Thuật ngữ toàn cầu hoá xuất hiện vào 1950s, với sự phổ biến các phương tiện vận tải có động cơ và sự gia tăng các trao đổi thương mại; và được chính thức sử dụng rộng rãi từ 1990s của thế kỷ thứ 20.



- ▶ Toàn cầu hóa: khái niệm dùng để chỉ những thay đổi trong XH và nền kinh tế thế giới, được tạo ra bởi sự liên kết và giao lưu ngày càng tăng giữa các quốc gia, tổ chức hay cá nhân ở các góc độ văn hóa, kinh tế,... .. trên toàn cầu. Đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, toàn cầu hóa hầu như được dùng để chỉ những tác động của thương mại nói chung và “**tự do hóa thương mại**” hay “**thương mại tự do**” nói riêng. Cũng từ góc độ kinh tế, người ta chỉ thấy rằng dòng vốn trên phạm vi toàn cầu kéo theo dòng thương mại, công nghệ, thông tin và văn hóa.
- ▶ Khái niệm toàn cầu hóa chia sẻ một số tính chất với khái niệm quốc tế hóa và có thể được SD thay thế cho nhau, mặc dù một số người thích SD "toàn cầu hóa" để nhấn mạnh sự mờ nhạt của khái niệm nhà nước hoặc biên giới quốc gia.



- ▶ Liên hợp quốc: toàn cầu hóa là thương mại tự do, gồm việc **loại bỏ thuế quan và các cản trở khác** với dòng chảy tự do của vốn, hàng hóa, lao động và dịch vụ.
 - ▶ Các nhà kinh tế học: sự đồng hóa **các nền KT QG** vào **1 nền KT QT** không lồ thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài, di cư, thương mại, dòng vốn và thương mại.
- ➔ Toàn cầu hóa: sự phụ thuộc lẫn nhau không ngừng giữa các quốc gia và các cá nhân. Sự phụ thuộc lẫn nhau có thể xảy ra trong các lĩnh vực KT, KHCN, môi trường, văn hóa, XH....

Tác động: Tích cực & Tiêu cực

- ▶ Thúc đẩy PT & XH hoá LLSX → tăng trưởng KT cao
- ▶ Tạo ra nhiều tiền đề giá trị hơn cho một xã hội mới hiện đại.
- ▶ Lan tỏa & chuyển giao ngày càng lớn các thành tựu, đột phá sáng tạo về KH-CN, tổ chức và quản lý, SX-KD, mang lại tri thức và kinh nghiệm đến với các dân tộc, đến từng hộ gia đình, từng con người và **mở đường cho sự nghiệp CNH, HĐH.**
- ▶ Mở ra các lĩnh vực và cách thức hoạt động mới, thị trường mới, đối tác mới.
- ▶ Thúc đẩy sự xích lại gần nhau hơn giữa các dân tộc.
- ▶ Góp phần nâng cao dân trí & sự tự khẳng định của các dân tộc & của mỗi cá nhân.



- Gây áp lực cạnh tranh gay gắt.
- làm tăng thêm bất công xã hội.
- làm cho tất cả các khía cạnh của cuộc sống và sinh hoạt của con người trở nên mất an toàn hơn.
- phần nào làm giảm sức mạnh, phạm vi và hiệu quả tác động của các Quốc gia.
- tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc, mất độc lập tự do dân tộc
- tạo ra khả năng quốc tế hoá các hiện tượng tiêu cực.

2. Hội nhập quốc tế

- Hội nhập quốc tế (HNQT) là cách thức hợp tác giữa các quốc gia để tránh xung đột.
- Hội nhập quốc tế là quá trình các quốc gia cùng hợp tác để cải thiện mối quan hệ giữa các quốc gia trên cơ sở chia sẻ lợi ích, mục tiêu, giá trị và nguồn lực.

Hội nhập quốc tế là quá trình phát triển và tích hợp để trở thành bộ phận cấu thành tích cực của hệ thống quốc tế với thể chế được thống nhất, đảm bảo lợi ích lâu dài cho các bên tham gia.



- **Nguyên tắc của hội nhập quốc tế**

1. Các bên tôn trọng lẫn nhau (**Respect to Partners**)
2. Mỗi bên đều được lợi (**Win-Win**)
3. Đảm bảo lợi ích quốc gia (**Guaranteed national interests**)
4. Chủ động trong hợp tác (**Proactive**)
5. Tiếp thu có chọn lọc (**Selective acquisition**)
6. Luôn học hỏi lẫn nhau (**Keen to Learn**)



Đặc điểm

Tính tự nguyện (Willingness)	Chấp thuận luật lệ chung (Regulations acceptance)
Tính hợp chuẩn (Standards conformity)	Cạnh tranh bình đẳng (Fair competition)
Lợi ích bền vững (Sustainable interest)	Gia tăng thương mại quốc tế và đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, giảm hoặc bỏ các loại thuế quan, tạo các khu vực mậu dịch tự do.
Đa dạng văn hóa	Gia tăng việc đi lại và du lịch quốc tế, gia tăng di cư; Gia tăng số lượng các chuẩn áp dụng toàn cầu.
Khiến con người quan tâm đến những vấn đề chung của toàn cầu	Hội nhập quốc tế khác với hợp tác quốc tế

- Hợp tác quốc tế \neq Hội nhập quốc tế



HNQT: sự HTQT ngày càng sâu rộng, với những quy định mang tính cam kết cao hơn, tạo ra những kết quả chung mà mỗi quốc gia cụ thể không thể đạt được → HNQT LÀ THAM GIA “MỘT CUỘC CHƠI CỦA THẾ GIỚI” - sự liên kết giữa các QG thông qua sự PT của các ngành giao lưu (thương mại, đầu tư, thư tín, thông tin, du lịch, xuất nhập cảnh, văn hóa, KHCN ...) -> dần hình thành các cộng đồng an ninh

Vai trò của hội nhập quốc tế



- Tác động tích cực đến sự phát triển của các quốc gia và mối quan hệ giữa các quốc gia với nhau.
- Các nước thành viên đã đồng ý hợp tác trong nhiều chương trình khác nhau để giúp cải thiện nền kinh tế, khoa học và công nghệ, văn hóa và phát triển xã hội của mỗi nước.
- Giúp tạo ra một hệ thống kinh tế mới, mang tính quốc tế hơn, lớn hơn, phát triển hơn và mang lại nhiều cơ hội hơn cho mọi thành phần dân cư.
- Góp phần nâng cao hiệu quả của các chính sách kinh tế quốc gia, bảo đảm các chính sách này phù hợp với luật pháp quốc tế.
- Tác động tích cực góp phần tạo lập môi trường cạnh tranh, khuyến khích ứng dụng các thành tựu KH&CN mới, đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế.
- Tác động tích cực đến các nước tham gia hội nhập, giúp các nước đó tìm được chỗ đứng thuận lợi hơn trong trật tự thế giới mới.

Hội nhập tác động tới KH&CN

1. Giúp nước kém phát triển dễ dàng tiếp cận với những tiến bộ KH&CN trên TG, rút ngắn khoảng cách KH&CN trong nước & thế giới.
2. Tiếp cận với những nguồn hỗ trợ QT → giải quyết những vấn đề phục vụ phát triển
3. Tăng cường nguồn lực cho đổi mới CN: nâng cao năng lực cán bộ KHCN; tranh thủ những trang thiết bị nước ngoài.
4. Chịu sức ép & chấp nhận cạnh tranh gay gắt với các nước: lựa chọn đối tác, CN chuyển giao tham gia chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu, cử người vào tổ chức quốc tế, đăng cai tổ chức sự kiện quốc tế về KH&CN ...



1. Dịch chuyển nguồn nhân lực trình độ cao của Việt Nam ra nước ngoài
2. Nguy cơ trở thành bãi rác thải công nghiệp & CN thấp, bị cạn kiệt nguồn TNTN & hủy hoại MT
3. Đối mặt với nguy cơ chuyển dịch cơ cấu kinh tế tự nhiên bất lợi, do phải tập trung vào các ngành sd nhiều tài nguyên, sức LĐ, giá trị gia tăng thấp.

3. Hội nhập quốc tế về KH&CN

- Khoa học là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại & phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.
- Công nghệ là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm theo hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực -> sản phẩm.
- Hoạt động KH&CN: hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển CN, ứng dụng CN, dịch vụ KH&CN, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển KH&CN.
- Phát triển CN: hoạt động SD kết quả NC cơ bản, NC ứng dụng, thông qua việc triển khai thực nghiệm & SXTN -> hoàn thiện CN hiện có, tạo ra CN mới.
- Đổi mới sáng tạo (innovation) là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, CN, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển KT-XH, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa.

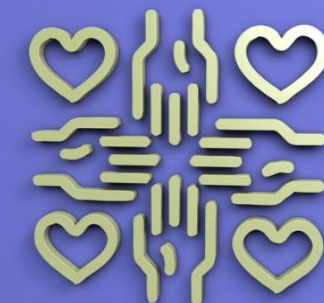
HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KH&CN

Là quá trình các nước / DN của các nước tiến hành các hoạt động tăng cường sự gắn kết họ với các nước khác / DN các nước khác dựa trên sự chia sẻ về lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực (thẩm quyền định đoạt chính sách) về KH&CN, thực hiện ký kết và tuân thủ các hiệp định hoặc thỏa thuận giữa tổ chức / DN về KH&CN;



Là quá trình phát triển KH&CN quốc gia và tích hợp để trở thành bộ phận cấu thành tích cực của hệ thống KH&CN quốc tế với thể chế được thống nhất, đảm bảo lợi ích lâu dài cho quốc gia và các cộng đồng khoa học của quốc gia và các cộng đồng KH.

Đặc thù của hội nhập quốc tế về KH&CN



Tính tự nguyện
(Willingness)



Tính cạnh tranh bình đẳng
(Fair competition)



Lợi ích bền vững
(Sustainable interest)

Nội dung của hội nhập quốc tế về KH&CN

Phối hợp hoạt động R&D	Quản lý KH&CN theo tiêu chuẩn quốc tế
Quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Trao đổi hợp tác KH&CN, đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ
Tăng cường các nguồn lực KH&CN	Nâng cao năng lực công nghệ cho các doanh nghiệp, qua đó nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm

Hình thức hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN

a). Nghiên cứu hợp tác quốc tế:

- Là hoạt động mà trong đó cán bộ của 2 nước hoặc trên 2 nước tiến hành nghiên cứu vì cùng một mục tiêu KH&CN, cùng một dự án nghiên cứu trong chương trình và tổ chức thống nhất

b). Phát triển cộng đồng quốc tế:

- Bao gồm 3 phương thức: phối hợp điều tra, phát triển hợp tác và trao đổi hàng hóa công nghệ

c) Trao đổi KH&CN quốc tế:

- Hình thức này gồm hợp tác thành lập cơ quan nghiên cứu, khảo sát KH&CN, trao đổi nhân tài, trao đổi thông tin KH&CN, hội nghị học thuật quốc tế, triển lãm KH&CN, tư vấn KH&CN,...

d). Chuyển giao công nghệ quốc tế:

- Là hợp tác kinh tế - công nghệ tiến hành bằng hình thức thương mại, bao gồm công nghệ, sản phẩm công nghệ và thiết bị đồng bộ, nhập khẩu và xuất khẩu lưu động kỹ thuật, li-xăng thực hiện pa-tăng, chuyển nhượng công nghệ độc quyền, chuyển nhượng công nghệ hiện có giữa các chủ thể khác nhau.

Các hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN

(Điều 71, Luật KH&CN năm 2013)

➤ Liên kết, tham gia hoạt động KH&CN với nước ngoài, gồm:

- Tham gia tổ chức KH&CN, hội, hiệp hội KH&CN của nước ngoài;
- Tham gia hoạt động NC, đào tạo, tư vấn, hội nghị, hội thảo KH&CN của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế ở trong nước và nước ngoài;
- Thành lập tổ chức KH&CN có vốn nước ngoài ở VN và thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN của VN ở nước ngoài;
- XD & thực hiện chương trình, DA chung về NC KH & PT CN trong khuôn khổ thỏa thuận song phương, đa phương, khu vực, liên khu vực và QT; Thu hút, thuê chuyên gia, nhà KH là người VN ở nước ngoài, chuyên gia, nhà KH nước ngoài tham gia vào chương trình, DA về NC KH & PT CN, chương trình đào tạo nhân lực KH&CN, hoạt động KH&CN khác ở VN;

➤ *Tổ chức triển lãm, diễn đàn KH&CN, chợ CN, trung tâm, sàn giao dịch CN, giới thiệu, chuyển giao kết quả NCKH và PTCN, đặc biệt CN tiên tiến, CNC của các nước & VN*

➤ *Tìm kiếm, CGCN tiên tiến của nước ngoài vào VN;*

➤ PT mạng lưới đại diện KH&CN VN ở nước ngoài.

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019

- NQ của Bộ chính trị về 1 số chủ trương, chính sách chủ động tham gia CMCN 4.0: **“Chủ động, tích cực tham gia cuộc CMCN 4.0 là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn XH, gắn chặt với quá trình HNQT sâu rộng; đồng thời nhận thức đầy đủ, đúng đắn về nội hàm, bản chất của cuộc CMCN 4.0 để quyết tâm đổi mới tư duy và hành động, coi đó là giải pháp đột phá với bước đi và lộ trình phù hợp là cơ hội để VN bứt phá trong PT KT-XH.”**
→ Năng lực HNQT về KH&CN của tổ chức NC&PT: năng lực tham gia cuộc CMCN 4.0 trong bối cảnh hiện nay

II. THỰC TIỄN CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Xu thế phát triển và chính sách phát triển KH&CN
2. Một số hình thức hội nhập quốc tế về KH&CN của Việt Nam



1. Xu thế phát triển và chính sách phát triển KH&CN

Một số xu thế hội nhập quốc tế về KH&CN

- Xu thế hội nhập quốc tế về KH&CN thường được xuất phát từ việc thiết lập các hình thức liên kết hợp tác quốc tế về KH&CN trong các lĩnh vực chuyên môn sâu thiết bị điện, tin học và viễn thông, hoá chất, thiết bị giao thông vận tải, nghiên cứu vũ trụ, hải dương, môi trường và các lĩnh vực CNC khác.
- Việc sáp nhập, liên doanh, liên kết giữa một số công ty lớn có quy mô hoạt động quốc tế, hợp tác và quốc tế hoá trong lĩnh vực SX ; NCKH và phát triển công nghệ → nâng cao năng lực & hiệu quả cạnh tranh trên thị trường quốc tế.
- Đối với các nước đang phát triển, hội nhập quốc tế về KH&CN là một xu thế → thúc đẩy các hoạt động KH&CN trong nước → khai thác có hiệu quả thành tựu KH&CN của TG

Quá trình hội nhập quốc tế về KH&CN của Việt Nam

Hội nhập quốc tế có thể được chia ra 4 lĩnh vực:

- 1) Hội nhập kinh tế;
- 2) Hội nhập chính trị;
- 3) Hội nhập an ninh-quốc phòng;
- 4) Hội nhập văn hóa.

Hội nhập KH&CN liên quan chặt chẽ đến 4 lĩnh vực trên, đặc biệt Hội nhập kinh tế quốc tế.

- gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) (1995),
- thiết lập quan hệ hợp tác với Cộng đồng Châu Âu (EU) (1995),
- tham gia Tổ chức diễn đàn kinh tế Á – Âu (ASEM) (1996),
- Tổ chức Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) (1998),
- thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2006
- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership – CPTPP)
- Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) – EVFTA

Hội nhập quốc tế về KH&CN là một bộ phận quan trọng, không thể tách rời trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam nói chung.

Yêu cầu đặt ra đối với quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam

Quá trình hội nhập quốc tế của một đất nước (quốc gia) là sự tham gia vào hệ thống thế giới và trở thành một bộ phận cấu thành của chỉnh thể thế giới, trước hết là bộ phận cấu thành của **“nền kinh tế thế giới”, “nền chính trị thế giới”** và **“nền văn minh nhân loại”**.

Tất cả các hoạt động này đều là hoạt động có chủ đích, nhằm:

- 1) Phát triển quốc gia;
- 2) Khẳng định bản sắc quốc gia;
- 3) Giành vị thế xứng đáng cho quốc
- 4) Tham gia hoàn thiện và phát triển hệ thống...

a. Đánh giá thực trạng HNQT của một quốc gia → phạm vi, mức độ tham gia và vị thế của quốc gia đó trong các mặt đời sống của cộng đồng quốc tế, trong các hệ thống thể giới làm tiêu chí:

- Về chiều “rộng - hẹp” → 03 cấp độ:

Một là, hội nhập hẹp, khi quốc gia hội nhập chỉ tham gia một vài lĩnh vực trong đời sống cộng đồng quốc tế;

Hai là, hội nhập tương đối rộng, khi quốc gia hội nhập tham gia phần lớn các lĩnh vực trong đời sống cộng đồng quốc tế;

Ba là, hội nhập rộng, khi quốc gia hội nhập tham gia tất cả các lĩnh vực trong đời sống cộng đồng quốc tế.

- Về chiều “nông - sâu” → 3 cấp độ hội nhập:

Một là, hội nhập nông, khi quốc gia hội nhập hầu như không có vị trí, vai trò trong cộng đồng quốc tế;

Hai là, hội nhập tương đối sâu, khi quốc gia hội nhập có vị trí, vai trò nhất định trong cộng đồng quốc tế;

Ba là, hội nhập sâu, khi quốc gia hội nhập có vị trí, vai trò đáng kể trong cộng đồng quốc tế.

b) Đích: phát triển đất nước trong bối cảnh mới của “toàn cầu hóa” và giai đoạn mới của “hội nhập quốc tế” → cần quan tâm một số vấn đề lớn sau:

Thứ nhất, nhận thức đúng về “toàn cầu hóa” và “HNQT” -> cơ sở cho hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển đất nước, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Thứ hai, VN hiện tham gia các mặt đời sống chính trị - xã hội quốc tế → đã hội nhập rộng vào chính thể thế giới, nhưng mới dừng ở mức độ hội nhập tương đối sâu với vị trí, vai trò nhất định trong một số lĩnh vực:

Về kinh tế, cần phấn đấu giành chỗ đứng trong các chuỗi SX và cung ứng toàn cầu; ưu tiên thúc đẩy phát triển nhanh các ngành kinh tế số và công nghiệp 4.0.

Về chính trị, tiếp tục nâng cao vị thế của VN trong quan hệ với các nước lớn, nhất là các nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, trong ASEAN.

Về văn hóa - xã hội, cần đẩy mạnh quảng bá lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ VN với TG;

Thứ ba, khi triển khai các hoạt động hội nhập quốc tế, luôn nảy sinh những vấn đề cần xử lý về mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Thứ tư, VN cần chủ động & tích cực tham gia vào việc đổi mới, cải tổ, cải cách hay thiết lập các định chế toàn cầu và khu vực; đóng góp nhiều hơn vào xây dựng “luật chơi”, coi đây là lợi ích quan trọng của quốc gia.

Thứ năm, trong quá trình HNQT, luôn nảy sinh ngày càng nhiều những tranh chấp.

Tầm quan trọng của hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

Hội nhập quốc tế về KH&CN vừa mang tính hợp tác vừa mang tính cạnh tranh, nên về thực chất mỗi quốc gia đều hướng tới những mục tiêu như sau:

- a) Phát triển KH&CN quốc gia:
- b) Tăng cường vai trò, ảnh hưởng:
- c) Mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường và tăng lợi nhuận:
- d) Nâng cao năng lực cạnh tranh: Các nhà đầu tư nước ngoài phải đào tạo đội ngũ cán bộ KH&CN, công nhân lành nghề và chuyển giao công nghệ cho nước sở tại.

Hội nhập quốc tế về KH&CN đã trở thành một yếu tố không thể thiếu trong chính sách đối ngoại và chính sách phát triển KH&CN của mỗi nước và là một thành tố quan trọng trong hội nhập quốc tế, một phương thức quan hệ giữa các đối tác trên thế giới.

2. Một số hình thức HNQT về KH&CN của Việt Nam

- a) Phối hợp hoạt động NCKH & PTCN toàn cầu hoặc trong khu vực để giải quyết 1 / 1 nhóm các vấn đề trong thời gian nhất định nào đó. Hình thức này thường được triển khai theo nguyên tắc phát huy ưu thế từng nước và hợp lý hóa mục tiêu chung để đạt hiệu quả cao nhất. (VD: dự án nghiên cứu chung về môi trường vùng đồng bằng Sông Cửu Long, Đề án nghiên cứu chung về dịch Ebola, HIV...)
- b) Tham gia các diễn đàn quốc tế với tư cách thành viên đầy đủ, tích cực và chủ động tham gia hoạt động KH&CN, sử dụng những phương thức tổ chức nghiên cứu KH&CN theo nguyên tắc mở và bình đẳng, trong đó các nước tham gia phải tuân thủ các quy chế, thể thức, tiêu chuẩn chung. (VD: diễn đàn Globelics, Asialics, diễn đàn các hiệp hội Hàng không và Vũ trụ quốc tế)
- c) Hội nhập về KH&CN trên cơ sở hội nhập quốc tế chung của quốc gia: các Ủy ban liên chính phủ định kỳ hội nghị và điều phối hoạt động KH&CN theo chiến lược, định hướng phát triển chung của cộng đồng hội nhập, theo các chuẩn mực chung của thế giới, đảm bảo quyền SHTT đối với các kết quả NCKH và phát triển CN; cùng đóng góp nguồn lực và chia sẻ lợi ích theo các cam kết cùng thoả thuận.

Với nước đang phát triển như VN, HNQT về KH&CN thúc đẩy các hoạt động KH&CN trong nước nhằm khai thác có hiệu quả thành tựu KH&CN của TG, thu hút nguồn lực và CN nước ngoài -> nâng cao và phát triển trình độ KH&CN trong nước, góp phần thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển KHTX và từng bước hội nhập vào nền kinh tế tri thức của TG.

III. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1. Thành tựu hợp tác quốc tế về KH&CN
2. Cơ hội và thách thức
3. Định hướng hội nhập quốc tế về KH&CN của Việt Nam

1. Thành tựu hợp tác quốc tế về KH&CN

Về quy mô:

Từ năm 2000 đến nay, có:

khoảng hơn 600 thỏa thuận, hợp đồng hợp tác quốc tế về KH&CN;

> 500 nhiệm vụ nghiên cứu song phương giữa các tổ chức KH&CN Việt Nam với các tổ chức KH&CN của các nước đã và đang được thực hiện. Các hoạt động này đã thực hiện được mục tiêu giải quyết các nhiệm vụ KH&CN ở trình độ quốc tế; tăng cường nguồn lực thông tin KH&CN cho các nhà khoa học Việt Nam.

Về hình thức và nội dung:

- Hình thức ngày càng đa dạng, phong phú, đi vào thực chất
- Các nội dung hợp tác đã xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của nước ta, giải quyết được nhiều vấn đề cấp bách, phục vụ tích cực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Trong hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ được giao đóng vai trò chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để tham mưu cho Chính phủ, đề xuất và thúc đẩy quá trình này.

Về các lĩnh vực hợp tác:

- Về khoa học tự nhiên: phần lớn các dự án hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ giữa Việt Nam và các đối tác thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên.
- Về khoa học xã hội - nhân văn: Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này nhìn chung vẫn còn hạn chế. Trong hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ được giao đóng vai trò chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để tham mưu cho Chính phủ, đề xuất và thúc đẩy quá trình này.
- Về khoa học - công nghệ: Cùng với khoa học tự nhiên, đây là lĩnh vực thu hút được sự quan tâm của nhiều đối tác song phương và đa phương.

Về đối tác hợp tác:

- Ở cấp độ đa phương:
 - Với ASEAN
 - Với APEC và Trung tâm chuyển giao công nghệ châu Á và Thái Bình Dương (APCTT)
 - Với WTO
 - Với Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) và hợp tác trong khuôn khổ Hiệp định hợp tác vùng (RCA)

- **Ở cấp độ song phương:**
 - Với các cường quốc về khoa học - công nghệ (Mỹ, Đức, Pháp, Nhật Bản...), Việt Nam đã tích cực xây dựng và phát triển quan hệ hợp tác về khoa học - công nghệ để học hỏi kinh nghiệm và các công nghệ tiên tiến, phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
 - Với các đối tác truyền thống (Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, các nước Đông Âu...), Việt Nam tiếp tục phát triển mối quan hệ hợp tác theo hướng đi vào chiều sâu, hợp tác thực chất, mở rộng nội dung hợp tác.
 - Với Ấn Độ, các hoạt động hợp tác tập trung vào công nghệ viễn thám, công nghệ thông tin và công nghệ sinh học.
 - Với các đối tác mới, Việt Nam cũng đặc biệt chú trọng mở rộng địa bàn hợp tác sang châu Phi, khu vực Mỹ La-tinh.

2. Cơ hội và thách thức

• Cơ hội

- Tiếp cận nhanh và khách quan tới những tiến bộ KH&CN của thế giới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao, mua bán công nghệ, rút ngắn khoảng cách về KH&CN với các nước trong khu vực và quốc tế;
- Có điều kiện tranh thủ khai thác các nguồn lực từ nước ngoài (tài chính, thông tin, nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật, KH&CN..) để phát triển tiềm lực khoa học và đổi mới công nghệ trong nước;
- Có điều kiện tiếp cận đa dạng tới các hình thức cạnh tranh lành mạnh, hình thức đào tạo tiên tiến để phát triển đội ngũ các nhà khoa học và cán bộ quản lý KH&CN.

• Thách thức

- Tính hiệu quả trong phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam còn rất hạn chế, thể chế kinh tế thị trường đang được hình thành nhưng thiếu bài bản. Điều này dẫn đến việc vai trò của KH&CN được nhìn nhận khá hình thức và do vậy còn phải mất nhiều năm để phát triển kinh tế-xã hội cần đến KH&CN như điều kiện sống còn để phát triển;
- Số liệu thống kê phát triển kinh tế-xã hội nói chung và phát triển KH&CN nói riêng còn bất cập so với yêu cầu khách quan của quản lý;
- Hệ thống chính sách tài chính cho phát triển KH&CN là chưa phù hợp với điều kiện đổi mới và HNQT;
- Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng và phương thức tổ chức hoạt động KH&CN và sử dụng đội ngũ cán bộ KH&CN chưa đáp ứng các yêu cầu, còn mang tính hình thức và bị hành chính hóa, không đảm bảo thúc đẩy hoạt động sáng tạo nói chung và phát triển KH&CN nói riêng;
- Thiếu môi trường của hệ thống quốc gia về đổi mới và vấn đề nan giải nhất là thiếu cơ sở cơ bản và vững chắc cho môi trường cạnh tranh lành mạnh, còn những bất cập về quản lý kinh tế vĩ mô. Thiếu cạnh tranh lành mạnh, KH&CN bị mất đi động lực phát triển.

3. Định hướng HNQT về KH&CN của Việt Nam

- **Chủ trương, chính sách của Đảng**

- Đại hội IX năm 2001, văn kiện của Đảng chỉ nói đến “quốc tế hóa”, chưa đề cập tới “toàn cầu hóa”. Từ Đại hội IX của Đảng, Việt Nam đề cập đến “toàn cầu hóa kinh tế”. Khi đó, Báo cáo chính trị Đại hội IX nhận định: “Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh”[1] (*Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 617)

- Đại hội XI của Đảng (năm 2011), Việt Nam chuyển từ nhận thức về “toàn cầu hóa kinh tế” sang nhận thức về “toàn cầu hóa”. Báo cáo chính trị Đại hội XI nhận định: “Toàn cầu hóa và cách mạng khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình hình thành xã hội thông tin và kinh tế tri thức”[2](*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.28)

- Đại hội IX của Đảng đã đề ra chủ trương: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường”[3](*Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 664)

- Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng (năm 2021) nhấn mạnh: “Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang phải đối mặt với sự trở dậy của chủ nghĩa dân tộc...”[4] (*Nguyễn Phú Trọng: “Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng”*)

từ Đại hội IX của Đảng đến nay, quan điểm của Đảng về “toàn cầu hóa” và “hội nhập quốc tế” ngày càng đầy đủ và đóng vai trò hết sức quan trọng đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển đất nước.

3. Định hướng HNQT về KH&CN của Việt Nam

. Hạn chế trong HNQT về KH&CN của Việt Nam

1. Nhân lực KH&CN chưa đủ năng lực để tham gia hiệu quả vào các hoạt động KH&CN quốc tế và khu vực.
2. Các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các trường đại học chưa đủ năng lực và điều kiện xúc tiến mở rộng các hoạt động HNQT về KH&CN do cơ sở vật chất, kỹ thuật không đồng bộ, môi trường làm việc chưa chuyên nghiệp, thiếu cán bộ nghiên cứu đầu đàn, nhân viên kỹ thuật có trình độ cao đáp ứng yêu cầu hội nhập.
3. Phần lớn các hoạt động HNQT về KH&CN trong thời gian qua mới chỉ được thực hiện trong khuôn khổ các hiệp định/thỏa thuận hợp tác song phương hoặc đa phương.
4. Việc thực thi các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ chưa hiệu quả mặc dù hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ đã đáp ứng được tính đầy đủ và phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các cơ quan thực thi quyền chưa đáp ứng yêu cầu cả chất lượng và số lượng; nhận thức của lãnh đạo các cấp, các ngành và toàn xã hội về vấn đề này còn hạn chế;
5. Các hoạt động chuyển giao công nghệ ở các doanh nghiệp chủ yếu mới chỉ dừng ở mức tiếp nhận thông qua các dự án đầu tư trực tiếp hoặc viện trợ của nước ngoài, chưa có đầu tư nghiên cứu, làm chủ và đổi mới công nghệ.

- 6. Các tổ chức KH&CN cũng đang trong tiến trình đổi mới, cơ cấu lại tổ chức, nhân sự và hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp**
- 7. Phương thức xác định nhiệm vụ từ đề xuất của các nhà khoa học chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra của phát triển kinh tế và KH&CN**
- 8. Chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia đầy đủ, cập nhật về chuyên gia có năng lực thực hiện và đánh giá**
- 9. Chế độ lương bổng, chính sách đào tạo và sử dụng cán bộ KH&CN còn bất cập..., nhất là trong việc tuyển cán bộ, lập nhóm xuất sắc, thuê chuyên gia nước ngoài..**
- 10. Cơ chế tài chính là vấn đề lớn nhất của hoạt động KH&CN hiện nay, như: phân tán nguồn vốn**

. Nguyên nhân của các hạn chế

- 1) Nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của hội nhập quốc tế về KH&CN trong hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển KH&CN
 - 2) Quan điểm KH&CN là nền tảng và động lực phát triển đất nước đã được khẳng định trong các Nghị quyết của Đảng, nhưng chưa được quán triệt đầy đủ để chuyển thành hành động thực tế của các cấp chính quyền, các Bộ, ngành, địa phương trong xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội
 - 3) Chưa tách biệt quản lý hành chính nhà nước với hoạt động sự nghiệp và quản trị kinh doanh dẫn đến tình trạng các cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
 - 4) Tiềm lực khoa học và công nghệ của Việt Nam còn hạn chế, cụ thể như sau:
 - Cơ sở hạ tầng KH&CN còn lạc hậu và không đồng bộ
 - Việc đào tạo và sử dụng đội ngũ trí thức KH&CN chưa hiệu quả;
 - Chưa có một hệ thống thông tin KH&CN theo chuẩn mực quốc tế, đáp ứng các yêu cầu của hội nhập quốc tế;
 - Hệ thống dịch vụ chuyên nghiệp chưa đáp ứng nhu cầu của xã hội (các tổ chức tư vấn, dịch vụ pháp lý, thông tin KH&CN, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá; giám định công nghệ...) để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN.
 - Nguồn vốn đầu tư cho KH&CN còn hạn chế, chủ yếu là từ ngân sách nhà nước và dân trải. Đầu tư từ doanh nghiệp và các nguồn khác chưa đáp ứng yêu cầu. Thiếu chiến lược huy động các nguồn vốn từ bên ngoài, kể cả vay vốn đầu tư từ các tổ chức tài chính quốc tế cho các hoạt động KH&CN;
 - 5) Chưa coi trọng tổng kết thực tiễn các điển hình tiên tiến
- Trong những năm gần đây, với sự năng động sáng tạo của các tổ chức KH&CN, đã xuất hiện nhiều điển hình tốt về gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với sản xuất, nhưng chưa được tổng kết kịp thời để nhân rộng.

- **Một số giải pháp để hội nhập quốc tế về KH&CN hiệu quả**

- 1) Tích cực, chủ động hội nhập quốc tế về KH&CN, bảo đảm độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi; Đa dạng hoá, đa phương hoá hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực KH&CN;
- 2) Xây dựng chiến lược khoa học - công nghệ (nhất là trung hạn, dài hạn); triển khai nội dung, kế hoạch hợp tác khoa học - công nghệ tầm quốc gia với các nước mạnh về khoa học - công nghệ. Hình thành các trung tâm nghiên cứu khoa học xuất sắc trên cơ sở hợp tác dài hạn giữa các tổ chức nghiên cứu khoa học của Việt Nam và nước ngoài. Thí điểm hợp tác xây dựng một số viện khoa học - công nghệ tiên tiến có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (ưu tiên những lĩnh vực cần thiết và có lợi thế về nguồn nguyên liệu, nhân lực, thị trường đầu ra...).
- 3) Thúc đẩy các tổ chức chuyên môn xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu chung trong khuôn khổ các thỏa thuận song phương, đa phương, hướng vào giải quyết vấn đề thực tiễn của Việt Nam. Khuyến khích hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu, cá nhân trong nước với các đối tác nước ngoài. Thu hút nguồn kinh phí từ nước ngoài thông qua các dự án nghiên cứu tại Việt Nam.
- 4) Khuyến khích, tạo điều kiện cho các viện nghiên cứu, trường đại học... tổ chức, chủ trì các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tại Việt Nam và tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở nước ngoài. Tổ chức triển lãm giới thiệu các thành tựu khoa học - công nghệ mới, tiên tiến của các nước và Việt Nam.
- 5) Phát huy hiệu quả hoạt động của mạng lưới đại diện khoa học - công nghệ Việt Nam ở nước ngoài (đại sứ quán, đại diện các bộ, ngành ở nước ngoài). Tiếp tục mở rộng mạng lưới đại diện khoa học - công nghệ ở các nước, các địa bàn trọng điểm để khai thông và khai thác các quan hệ hợp tác nghiên cứu, tìm kiếm, giải mã và chuyển giao công nghệ. Chú trọng lựa chọn người đại diện thực sự giỏi chuyên môn, giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ đặt ra.
- 6) Có chính sách cụ thể, khả thi thu hút các chuyên gia, nhà khoa học cả trong và ngoài nước tham gia các chương trình, dự án nghiên cứu, đào tạo nhân lực khoa học - công nghệ, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh ở Việt Nam, trong đó chú trọng đến các nhóm nghiên cứu khoa học trẻ.

- 7) Phát triển thị trường KH&CN Việt Nam theo quy luật, chuẩn mực và hội nhập với nền kinh tế thị trường thế giới;
- 8) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ KH&CN, cán bộ quản lý;
- 9) Nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ KH&CN, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về KH&CN.
- 10) Bố trí kinh phí phát triển KH&CN để hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN) Bố trí kinh phí phát triển KH&CN để hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN
- 11) Tăng cường nguồn lực thông tin phục vụ hội nhập quốc tế về KH&CN ;
- 12) Thúc đẩy đổi mới công nghệ nhằm nâng cao tính cạnh tranh của một số sản phẩm ưu tiên, đặc biệt là công nghệ cao;
- 13) Đẩy mạnh các hoạt động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm.
- 14) Hoàn thành việc thể chế hoá môi trường pháp lý về chính sách và cơ chế tài chính phục vụ đẩy mạnh hội nhập quốc tế về KH&CN; Đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động KH&CN phù hợp với thông lệ quốc tế;15) Tổng kết, đánh giá giữa kỳ việc thực hiện Đề án, đề xuất, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.



Cần thêm thông tin, vui lòng liên hệ :
Mrs. Bùi Thị Huy Hợp

❖ Tel: +84-24-35553415 Fax: +84-24-35553416

❖ Zalo/ viber: +84 (0) 947075009

❖ Email: bhhop@most.gov.vn and/ or huyhopvistip@gmail.com